

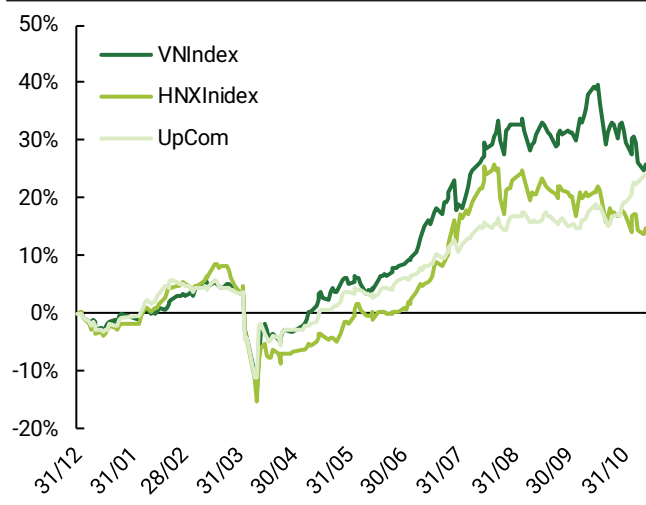
VN-Index **1593.61 (0.83%)**
708 Tr. cổ phiếu 19862.3 Tỷ VND (-7.22%)

HNX-Index **261.08 (1.12%)**
57 Tr. cổ phiếu 1268.4 Tỷ VND (-32.64%)

UPCOM-Index **117.85 (0.34%)**
27 Tr. cổ phiếu 746.2 Tỷ VND (5.07%)

VN30F1M **1815.00 (0.76%)**
363,501 HD OI: 30,641 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1593.6, tăng 13.1 điểm (+0.83%). Thanh khoản giảm nhẹ với độ rộng cải thiện về phía mua. VN30, HNXIndex cũng lấy lại sắc xanh.
 - Điểm nhấn trong phiên:** Đa số nhóm ngành, cổ phiếu phục hồi sau phiên giảm điểm nhưng mức độ phân hóa vẫn diễn ra cao. Điểm tích cực là khối ngoại hạ nhiệt bán ròng hai phiên gần đây có thể giảm bớt áp lực cung. Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Ngân hàng: SHB (+3.3%), OCB (+2.5%), TPB (+2.4%) | Bất động sản: VRE (+4.2%), VHM (+3.6%), KDH (+3.1%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (+3.3%), MSN (+2.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEX (+5.8%), APH (+1.3%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu trong phiên: Du lịch và Giải trí: HVN (-4.4%), VJC (-0.9%). Dầu khí: PVD (-0.8%)
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | VHM, VIC, BID, VNM, MSN - Chiều giảm | HVN, LPB, VJC, GEE, SSB
- Khối ngoại giảm Bán ròng còn gần 75 tỷ, tập trung nhiều ở MBB, STB, CTG, trong khi mua ròng VIC, HPG, VNM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** phục hồi nhưng thanh khoản vẫn duy trì mức thấp cho thấy tâm lý chung còn thận trọng. Bên cạnh đó, dòng tiền luân chuyển ở nhóm vốn hóa lớn giúp nâng đỡ chỉ số, chưa xuất hiện nhóm ngành dẫn dắt thật sự nổi trội. Điều này cho thấy độ tin cậy của phiên bật tăng chưa cao, và cần thêm nền tảng đóng cửa trên ngưỡng 1605 để xác nhận. Nếu VN-Index phục hồi và củng cố được trên mức 1605, có thể kỳ vọng nhịp hồi kỹ thuật về kháng cự gần quanh khu vực 1640 điểm. Trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm sẽ tiếp tục chi phối với hỗ trợ thấp hơn quanh mốc 1540 – 1560 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số bật tăng nhưng thanh khoản chưa đồng thuận, cho thấy trạng thái có thể tiếp tục giằng co kiểm định thêm quanh ngưỡng 260. Kháng cự gần trong chiều hồi phục là khu vực 266 – 270.
- Chiến lược chung:** Nhịp phục hồi nghiêng về cơ cấu cho các vị thế chưa kịp xử lý trước đó. NĐT đã đưa tài khoản về tỷ lệ an toàn nên nghiêng về đứng ngoài quan sát thêm thị trường. Chiều mua mới chỉ phù hợp khẩu vị lướt sóng chấp nhận rủi ro cao (vào nhanh thoát nhanh). Với khẩu vị này, NĐT có thể theo dõi khả năng tạo đáy thứ hai ở các nhóm ngành nổi bật như: Dầu khí, Xuất khẩu, Thép, Tiện ích. Tuy nhiên, vẫn tuân thủ kỷ luật bán ra nếu việc kiểm định thất bại.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua VGT (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M		01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng			01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng		
Theo chỉ số																
VN-Index	1,593.6	📉	0.8%	-3.5%	-8.8%	19,862.3	📉	-7.2%	-42.0%	-41.7%	708.2	📉	-8.1%	-41.0%	-34.2%	
HNX-Index	261.1	📈	1.1%	-1.8%	-4.6%	1,268.4	📉	-32.6%	-56.5%	-43.5%	56.9	📉	-30.9%	-56.7%	-40.9%	
UPCOM-Index	117.9	📉	0.3%	2.2%	5.6%	746.2	📈	5.1%	-31.1%	-4.2%	27.0	📈	30.4%	-37.7%	-54.2%	
VN30	1,821.6	📉	1.0%	-4.0%	-8.0%	11,342.5	📉	-5.3%	-36.0%	-39.6%	304.9	📉	-6.7%	-37.1%	-38.1%	
VNMID	2,229.2	📈	1.3%	-5.0%	-11.3%	6,934.2	📉	-12.6%	-49.3%	-44.2%	263.9	📉	-15.2%	-49.7%	-36.7%	
VNSML	1,502.8	📉	0.3%	-2.6%	-5.3%	1,111.8	📈	8.3%	-47.0%	-36.5%	72.8	📈	2.2%	-48.7%	-38.7%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	613.4	📉	0.6%	-1.37%	-11.2%	4,930.5	📉	-9.2%	-17.5%	-38.2%	201.0	📉	-5.1%	-13.1%	-34.3%	
Bất động sản	596.2	📈	1.6%	-2.6%	-9.0%	3,967.2	📈	10.0%	-0.4%	-37.8%	121.6	📉	-0.5%	-17.1%	-41.7%	
Dịch vụ tài chính	315.3	📈	1.6%	-0.9%	-17.3%	2,962.4	📉	-21.4%	-21.5%	-39.0%	113.3	📉	-21.8%	-17.9%	-29.5%	
Công nghiệp	251.4	📉	0.5%	-6.9%	-5.5%	1,509.2	📈	6.3%	4.3%	-31.2%	41.5	📈	4.2%	10.3%	-11.9%	
Tài nguyên cơ bản	528.7	📉	0.6%	1.3%	-9.5%	1,072.6	📉	-29.7%	-18.0%	-29.8%	45.5	📉	-28.2%	-20.0%	-29.5%	
Xây dựng - Vật Liệu	186.1	📉	0.5%	-2.1%	-5.3%	879.2	📉	-3.1%	-31.7%	-49.4%	38.8	📉	-16.4%	-27.5%	-43.2%	
Thực phẩm	545.6	📈	2.2%	-1.2%	-5.0%	1,421.2	📈	42.9%	-3.9%	-31.3%	32.7	📈	23.4%	-19.1%	-30.9%	
Bán Lẻ	1,440.3	📈	1.6%	-4.6%	-5.3%	732.6	📉	-2.7%	-16.1%	-23.1%	10.9	📉	0.6%	-9.6%	-15.2%	
Công nghệ	509.8	📉	-0.1%	-7.9%	0.0%	738.2	📉	-39.5%	-37.2%	-45.4%	8.9	📉	-34.4%	-32.2%	-44.3%	
Hóa chất	166.1	📉	0.1%	-2.0%	-1.8%	392.2	📉	-2.2%	-34.4%	-29.9%	13.2	📈	5.6%	-29.4%	-23.8%	
Tiện ích	647.5	📉	-0.3%	-0.8%	-0.9%	137.5	📉	-6.9%	-45.5%	-54.7%	6.5	📉	-3.8%	-43.8%	-51.7%	
Dầu khí	72.3	📉	-0.04%	-0.9%	-7.3%	294.2	📉	-45.6%	-56.3%	-35.0%	12.6	📉	-43.6%	-56.3%	-32.5%	
Dược phẩm	423.8	📉	-0.5%	-1.0%	-0.9%	36.3	📈	14.5%	-48.9%	-38.4%	1.8	📈	28.3%	-22.8%	-26.8%	
Bảo hiểm	88.0	📉	0.6%	-3.7%	-3.0%	28.1	📉	-34.4%	-51.6%	-38.1%	1.0	📉	-37.7%	-47.9%	-37.9%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,593.6	0.8%	25.8%	15.3x	1.9x
SET-Index	Thái Lan	1,300	-0.4%	-7.1%	16.7x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	8,367	-0.3%	18.2%	20.6x	2.2x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,114	0.2%	-3.7%	16.1x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	5,629	-1.3%	-13.8%	9.7x	1.2x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,003	-0.4%	19.4%	19.1x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,696	0.2%	33.1%	13.1x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	50,843	-0.1%	27.4%	22.7x	2.7x
S&P 500	Mỹ	6,832	1.5%	16.2%	28.4x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	47,369	0.8%	11.3%	24.1x	5.1x
FTSE 100	Anh	9,865	0.8%	20.7%	14.9x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,692	0.5%	16.3%	17.4x	2.4x
DXV		99.6	-0.03%	-8.2%		
USDVND		26,309	0.034%	3.2%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

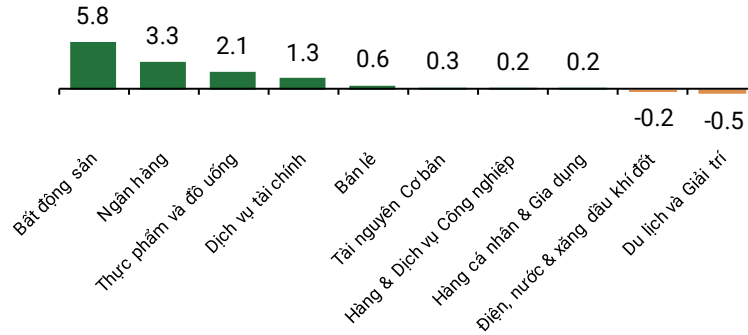
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	🟡	0.5%	2.6%	-13.7%	-10.4%
Dầu WTI	🟢	1.1%	2.5%	-15.8%	-11.2%
Khí gas	🟡	0.2%	39.2%	19.0%	48.1%
Than cốc (*)	🟡	0.0%	6.9%	-4.3%	-12.5%
Thép HRC (*)	🔴	-0.1%	-2.8%	-5.3%	-7.2%
PVC (*)	🟡	0.0%	-2.3%	-7.6%	-12.4%
Phân Urea (*)	🔴	-3.4%	0.7%	8.3%	12.6%
Cao su thiên nhiên	🟡	0.6%	-1.3%	-13.8%	-13.2%
Bông Cotton	🟢	1.3%	1.0%	-5.8%	-7.5%
Đường	🟢	1.6%	-11.0%	-25.6%	-32.9%
World Container Index	🟢	7.5%	18.7%	-48.5%	-43.1%
Baltic Dirty tanker Index	🔴	-1.4%	24.6%	50.4%	53.2%
Vàng	🟢	3.5%	3.1%	57.8%	58.2%
Bạc	🟢	5.5%	1.7%	76.4%	66.2%

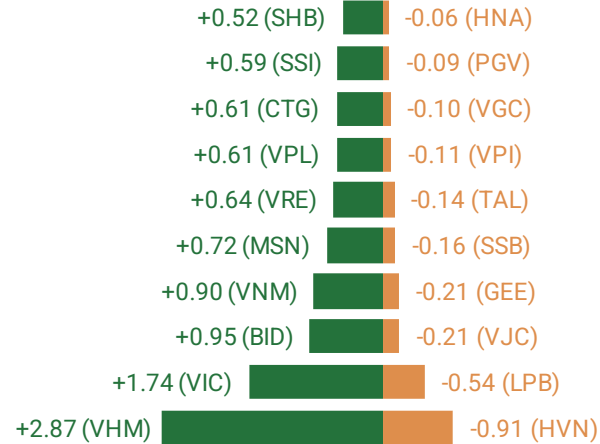
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

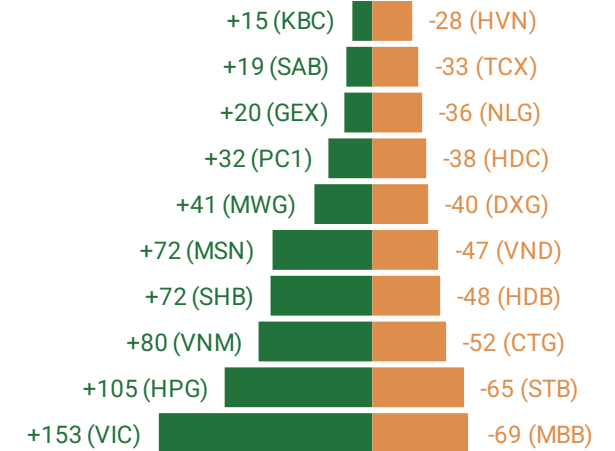


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

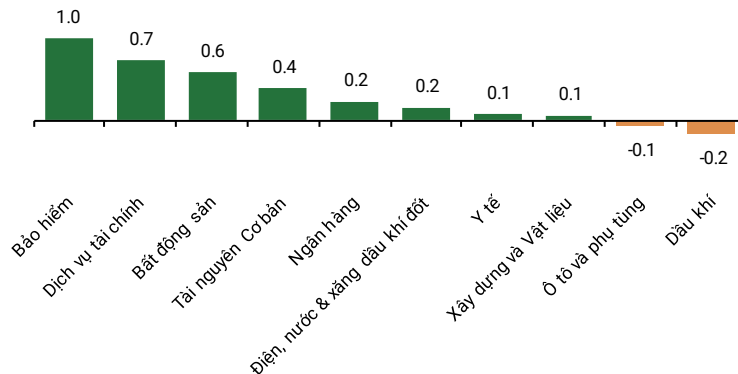


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

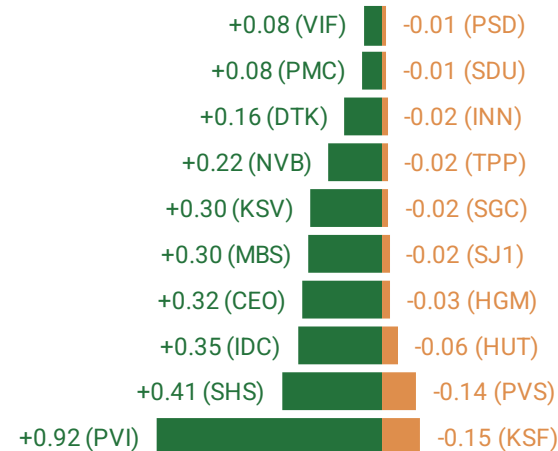
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



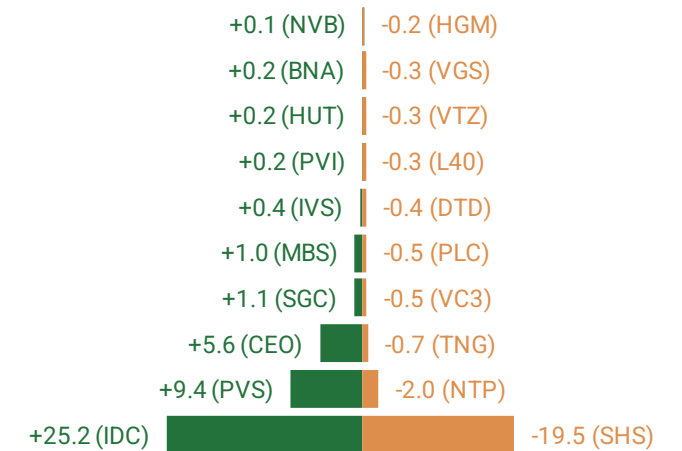
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	SHB	SSI	VIX	VIC	HPG
%DoD	3.3%	3.7%	4.1%	1.0%	0.6%
Giá trị	1,045	1,039	981	849	837

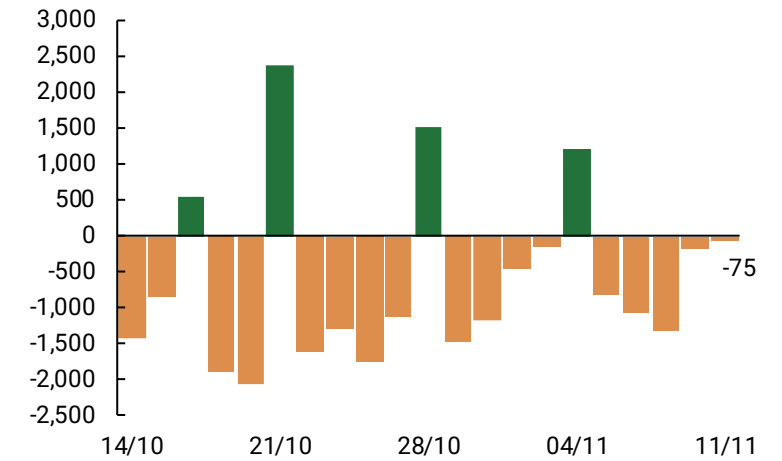
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	STB	VPI	VSC	VIX	HDB
%DoD	2.4%	-2.8%	-1.9%	4.1%	0.0%
Giá trị	240	176	156	152	150

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN
THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



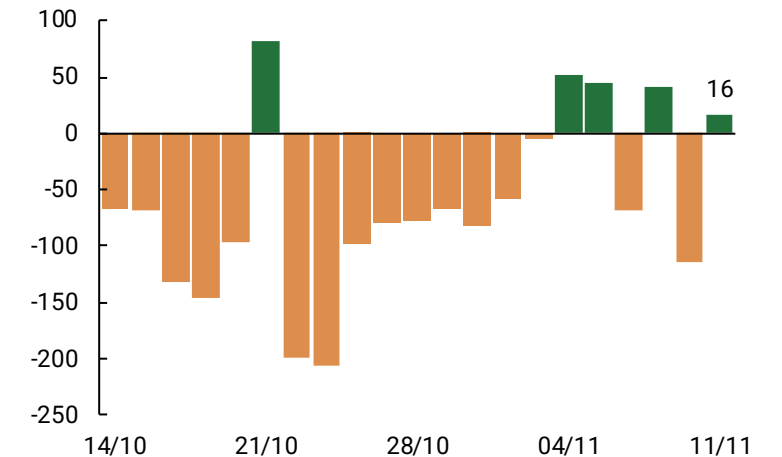
	SHS	CEO	IDC	PVS	MBS
%DoD	3.7%	4.3%	4.3%	-1.5%	2.8%
Giá trị	316	304	113	113	79

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	HUT	VFS	HHC	CEO	IPA
%DoD	-0.6%	-0.6%	0.0%	4.3%	1.0%
Giá trị	20	10	9	7	7

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Bullish Harami, vol thấp dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1540 - 1560.
- ✓ Kháng cự: 1660 – 1680.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số phục hồi và tạo thành mẫu hình nến Bullish Harami. Dù vậy, thanh khoản thấp cho thấy độ tin cậy chưa cao. Cần thêm nến tăng đóng cửa trên ngưỡng 1605 để xác nhận mẫu hình. **Nếu VN-Index phục hồi và củng cố được trên 1605, có thể kỳ vọng nhịp hồi kỹ thuật về kháng cự gần quanh khu vực 1640 điểm.** Trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, đà giảm sẽ tiếp tục chi phối với hỗ trợ thấp hơn quanh mốc 1540 – 1560 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Bullish Harami, vol thấp dưới mức bình quân 20 phiên.
 - ✓ Hỗ trợ: 1800.
 - ✓ Kháng cự: 1870 - 1900.
 - ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
 - ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.
- ➔ Tín hiệu phục hồi trở lại khi VN30 tiếp cận khu vực hỗ trợ mạnh gần mốc tâm lý 1800 điểm. Dù vậy, phản ứng bật tăng chưa thật sự nổi trội với việc tạo bóng nến phía trên, hàm ý lực cung còn chi phối. **Chỉ số cần thêm nến tăng đóng cửa trên ngưỡng 1840 điểm để củng cố độ tin cậy, và thúc đẩy nhịp hồi về kháng cự gần quanh ngưỡng 1880 điểm.** Trường hợp lực cầu vẫn suy yếu, giao dịch có lẽ hạ nhiệt trở lại để tiếp tục kiểm định mốc 1800.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio		
Ticker	VGT	BUY	Current price	12.1		P/E (x)	8.3	
			Action price	12/11	12.1	P/B (x)	0.84	
Exchange	UPCoM					EPS	1461.3	
			Target price		13.5	11.6%	ROE	10.4%
Sector	Clothing & Accessories		Cut loss		11.4	-5.8%	Stock Rating	BBB
						Scale Market Cap	Medium	



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá ổn định trên MA20 ngày có trạng thái củng cố nền giá mới.
 - Thanh khoản tăng trở lại.
 - Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI phục hồi lên trên mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng cải thiện.
- ➔ Xu hướng kỳ vọng tiếp tục phục hồi.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng rung lắc trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	VGT	Mua	12/11/2025	12.1	12.1	0.0%	13.5	11.6%	11.4	-5.8%	Duy trì nền giá tốt

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	CTR	Nắm giữ	30/10/2025	07/11/2025	90.00	91.8	-2.0%	102.0	11.1%	85.0	-7.4%	
2	PLX	Mua	06/11/2025	-	33.75	35.2	-4.1%	39.0	10.8%	33.0	-6.3%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 1815, tăng 13.7 điểm (+0.8%). Thanh khoản tăng so với phiên trước và trên mức bình quân 20 phiên. Vận động nghiêng về phục hồi trong phần lớn thời gian giao dịch, dầu vậy, áp lực bán có dấu hiệu chi phối trở lại khi gần kết phiên.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá trở về vùng dao động tích lũy quanh 1810 - 1825, có thể rung lắc kiểm định thêm. Chỉ báo MACD có tín hiệu cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI đang phục hồi cho thấy động lượng tăng cải thiện, dù vậy nên chờ tín hiệu giá xác nhận bứt phá. Vị thế Long có thể cân nhắc khi giá vượt và củng cố trên ngưỡng 1830. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về dưới ngưỡng 1805.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1731.5, tăng 2.8 điểm (+0.2%). Độ lệch basis 1.5 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 91 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1720, trong khi kháng cự trong chiều hồi phục là ngưỡng 1750.

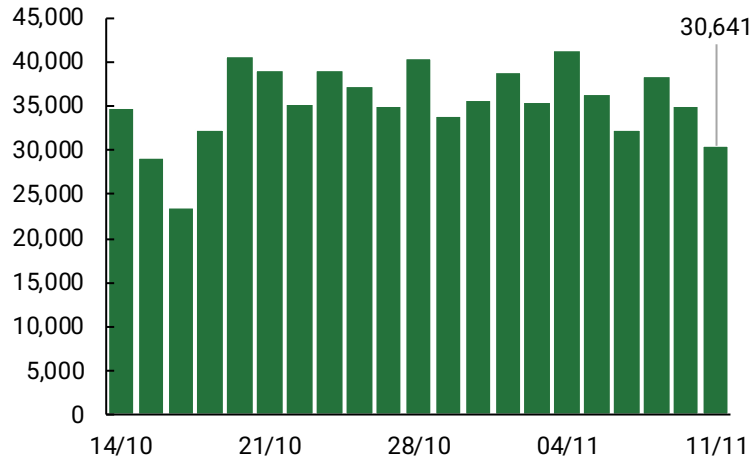
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 1.830	1.845	1.820	15 : 10
Short	< 1.805	1.795	1.812	10 : 07

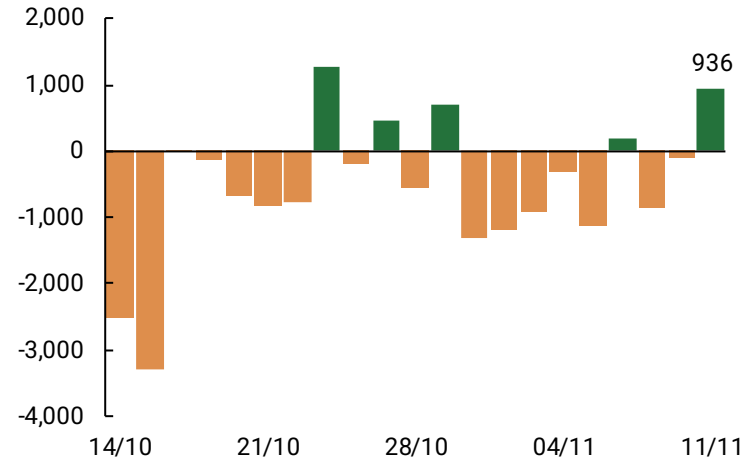
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G6000	1,802.5	5.5	61	130	1,832.6	-30.1	18/06/2026	219
41I1G3000	1,808.0	8.1	62	293	1,828.0	-20.0	19/03/2026	128
VN30F2512	1,810.1	10.1	1,210	4,602	1,823.4	-13.3	18/12/2025	37
41I1FB000	1,815.0	13.7	363,501	30,641	1,822.0	-7.0	20/11/2025	9
41I2FB000	1,731.5	2.8	91	129	1,733.4	-1.9	20/11/2025	9

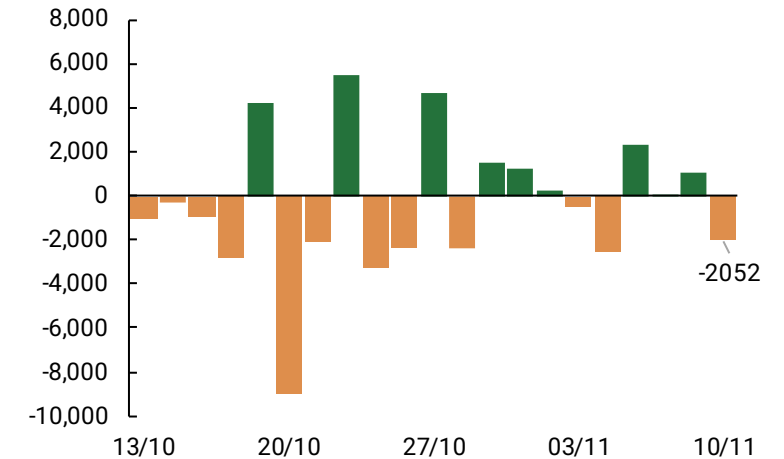
Khối lượng mở (Open interest)



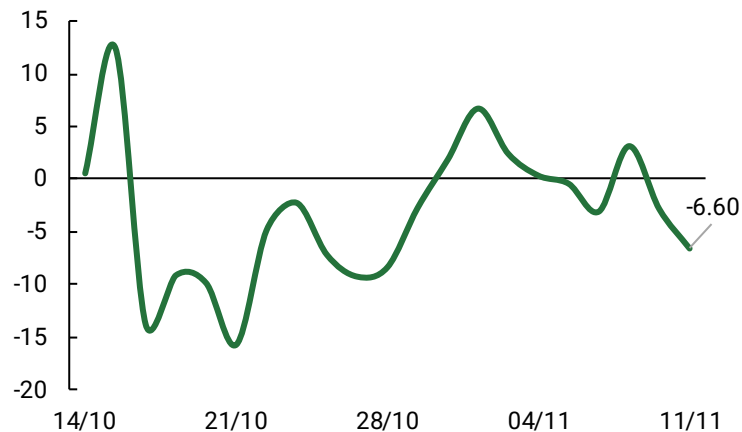
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



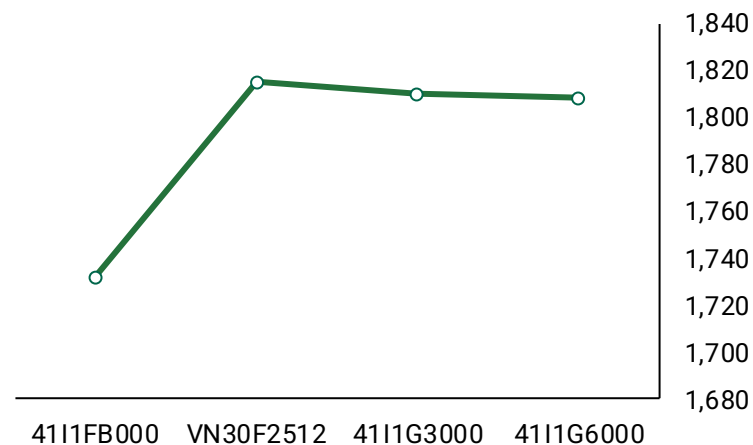
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



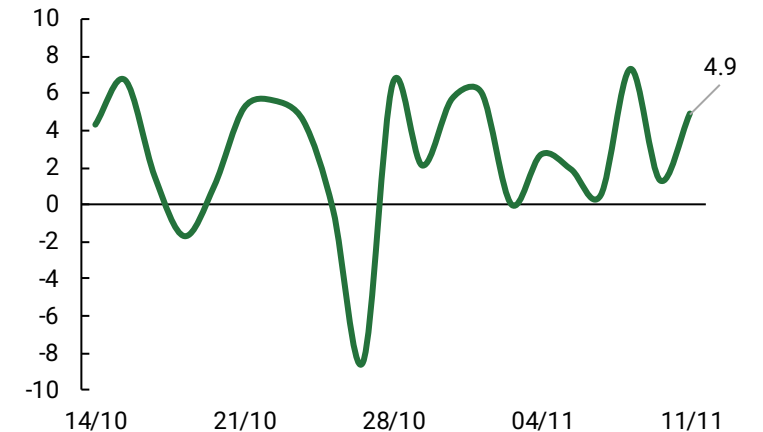
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,000	65,400	-10.4%	Bán
BCM	67,000	74,500	11.2%	Tăng tỷ trọng
CTD	85,100	92,400	8.6%	Nắm giữ
CTI	22,400	27,200	21.4%	Mua
DBD	51,900	68,000	31.0%	Mua
DDV	28,873	35,500	23.0%	Mua
DGC	91,800	102,300	11.4%	Tăng tỷ trọng
DGW	39,450	48,000	21.7%	Mua
DPR	36,950	41,500	12.3%	Tăng tỷ trọng
DRI	11,975	18,000	50.3%	Mua
EVF	12,100	14,400	19.0%	Tăng tỷ trọng
FRT	141,900	135,800	-4.3%	Giảm tỷ trọng
GMD	61,000	72,700	19.2%	Tăng tỷ trọng
HAH	61,300	67,600	10.3%	Tăng tỷ trọng
HDG	30,550	33,800	10.6%	Tăng tỷ trọng
HHV	13,350	12,600	-5.6%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,600	12,600	-52.6%	Bán
IMP	49,250	55,000	11.7%	Tăng tỷ trọng

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	23,200	22,700	-2.2%	Giảm tỷ trọng
MSH	39,500	47,100	19.2%	Tăng tỷ trọng
MWG	78,000	92,500	18.6%	Tăng tỷ trọng
NLG	36,350	39,950	9.9%	Nắm giữ
NT2	22,900	27,400	19.7%	Tăng tỷ trọng
PHR	54,000	72,800	34.8%	Mua
PNJ	89,100	95,400	7.1%	Nắm giữ
PVT	17,250	18,900	9.6%	Nắm giữ
SAB	46,800	59,900	28.0%	Mua
TLG	51,900	59,700	15.0%	Tăng tỷ trọng
TCB	33,650	35,650	5.9%	Nắm giữ
TCM	27,600	38,400	39.1%	Mua
TRC	73,700	94,500	28.2%	Mua
VCG	23,500	26,200	37.8%	Mua
VHC	56,800	60,000	6.7%	Nắm giữ
VNM	58,900	66,650	12.7%	Tăng tỷ trọng
VSC	20,150	17,900	18.4%	Tăng tỷ trọng

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

THÔNG TIN VĨ MÔ

UOB nâng dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam 2025 lên 7.7%: Ngân hàng UOB (Singapore) giữ nguyên dự báo tăng trưởng quý 4/2025 ở mức 7.2%, đồng thời điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng cả năm lên 7.7% từ mức 7.5% trước đó. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu tăng trưởng chính thức 8.3-8.5%, quý 4/2025 cần đạt mức tăng trưởng rất cao từ 9.7-10.5%.

Kho bạc Nhà nước sắp bơm gần 2.400 tỷ đồng cho hệ thống ngân hàng: Ngày 10/11, Kho bạc Nhà nước (KBNN) đã phát đi thông báo về nhu cầu mua ngoại tệ từ ngân hàng thương mại với khối lượng dự kiến tối đa là 100 triệu USD. Nếu sử dụng giá mua USD của Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước (23.913 VND/USD, tại ngày 11/11), số tiền KBNN dự kiến chi ra để thực hiện giao dịch trên vào khoảng 2.391 tỷ đồng. Tính từ đầu năm đến nay, KBNN đã có 15 đợt chào mua ngoại tệ.

Thống đốc Fed kêu gọi giảm lãi suất 50 bps vào tháng 12: Trong cuộc phỏng vấn với CNBC, Thống đốc Fed Stephen Miran đã kêu gọi các đồng nghiệp nên tiếp tục giảm lãi suất để ngăn nền kinh tế suy yếu. Vị quan chức một lần nữa khẳng định rằng Fed nên đẩy nhanh tốc độ hạ lãi suất tại cuộc họp tháng 12, thay vì giảm 25 điểm cơ bản (bps) như thường lệ.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Cổ phiếu FLC sẽ được giao dịch sàn UPCOM vào quý I/2026: Tập đoàn FLC dự kiến cổ phiếu sẽ giao dịch trở lại trên sàn UPCOM vào quý I/2026. Công ty đang tích cực hoàn tất nghĩa vụ tài chính và thuế, đồng thời thực hiện tái cơ cấu hệ sinh thái. Đại hội đồng cổ đông bất thường đã thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để soát xét và phát hành báo cáo tài chính từ 2021-2024, dự kiến công bố báo cáo tài chính năm 2025 trong quý I/2026.

BSR - Lọc hóa dầu Bình Sơn đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu nhiên liệu dầu diesel sinh học: BSR phối hợp với Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam triển khai dự án pilot biodiesel quy mô bán công nghiệp, sử dụng phế phụ phẩm nông nghiệp, công nghiệp thực phẩm và dầu vi tảo. Dự án là nhiệm vụ chiến lược nhằm phát triển nhiên liệu sạch, giảm chi phí và tăng sức cạnh tranh. Công nghệ xúc tác dị thể cho phép xử lý nguyên liệu phẩm cấp thấp, hướng tới nguồn nguyên liệu xanh, bền vững thân thiện môi trường.

TCB - Techcombank được cả Fitch Ratings và S&P Global xếp hạng tín nhiệm ở mức cao: Ngân hàng liên tục được Fitch Ratings và S&P Global xếp hạng tín nhiệm cao trong 3 tháng qua, với triển vọng "Tích cực" từ Fitch. Các chỉ số như Năng lực nội tại, Hỗ trợ từ Chính phủ và Nguồn vốn - Thanh khoản đều được đánh giá tích cực, phản ánh năng lực tài chính vững mạnh và quản trị rủi ro hiệu quả.

ITA - Tân Tạo của bà Đặng Thị Hoàng Yến chính thức thoát án phá sản sau 8 năm: CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo chính thức thoát án phá sản sau 8 năm với quyết định đình chỉ thủ tục phá sản từ TAND TPHCM. Tòa án nhận định ITA có khả năng thanh toán các khoản nợ và việc tiếp tục phá sản có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc chưa cung cấp đầy đủ tài liệu khiến quá trình xử lý kéo dài và chưa hoàn tất kiểm kê tài sản.

03/11	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
05/11	Việt Nam – MSCI công bố đảo danh mục
06/11	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 10 và 10 tháng
07/11	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Thay đổi việc làm phi nông nghiệp
09/11	Trung Quốc - CPI, PPI y/y
13/11	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/11	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
20/11	Việt Nam - Đảo hạn phái sinh Mỹ - Biên bản cuộc họp FOMC Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
26/11	Mỹ - Công bố số điều chỉnh GDP, PCE lõi
30/11	Cuộc họp OPEC

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415